TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09-03-2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phúc An Hoành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Tòng

2. Ông Quốc Văn Tài

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 355/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021; quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị T**, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt* (*chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh **Lục Văn C**, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T, *vắng mặt, phiên tòa triệu tập lần thứ 02*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Văn C được tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tháng 02 năm 2019 tại UBND xã H, huyện C. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống tại thôn N, xã H, huyện C được một thời gian thì đi làm công nhân tại tỉnh H. Vợ chồng chung sống hòa

thuận đến tháng 8 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, vợ chồng không cùng quan điểm sống. Anh C không tu chí làm ăn, mải chơi, thường hay đánh bạc. Tháng 8 năm 2020 anh C bị Tòa án huyện K, tỉnh H xét xử về tội Đánh bạc. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi, vẫn ham chơi, không biết sửa sai nên tình trạng mâu thuẫn giữa chị và anh C ngày càng trầm trọng. Chị và anh C sống ly thân từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lục Văn C.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh C không có con chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập anh Lục Văn C đến để giải quyết việc chị Đặng Thị T đề nghị ly hôn, nhưng anh C không có mặt và không có ý kiến trình bày đối với các nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đặng Thị T. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh Lục Văn C vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T.

Theo lời khai của bà Ma Thị K (mẹ ruột anh Lục Văn C) thì chị Đặng Thị T và anh Lục Văn C được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Năm 2019 chị T, anh C đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C. Sau khi kết hôn chị T, anh C chung sống cùng gia đình bà được một thời gian thì anh chị đi làm ăn xa tại tỉnh H. Đến khoảng cuối năm 2019, đầu năm 2020 thì chị T, anh C xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào bà không nắm được. Dịp nghỉ lễ 30/4, 01/5 mẹ đẻ chị T có đến gia đình bà trao đổi về việc chị T, anh C xảy ra mâu thuân và tìm cách tháo gỡ, khuyên bảo để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng tình trạng mâu thuẫn giữa chị T, anh C không được cải thiện. Khi nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các thông báo thời gian làm việc của Tòa án gửi cho anh C, bà đã nhận thay và thông báo cho anh C biết thông tin nhưng anh C bận công việc, không đến Tòa án giải quyết việc ly hôn với chị T được. Hiện anh C đang đi làm tại tỉnh H nhưng địa chỉ cụ thể thì bà không rõ nên bà K không cung cấp được địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc của anh C cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Đặng Thị T; cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lục Văn C.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị Đặng Thị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Đặng Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Lục Văn C; anh Lục Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về *"Ly hôn"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Lục Văn C có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã H, huyện C, tỉnh T. Theo thông tin từ gia đình, anh C đi làm ăn xa tại tỉnh H nhưng không thông báo địa chỉ cụ thể nên hiện tại không rõ anh C đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo, triệu tập, gia đình anh C đã thông báo cho anh C nhưng anh C vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ cụ thể nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Lục Văn C vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Đặng Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Lục Văn C có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký

kết hôn vào ngày 13/02/2019 tại UBND xã H, huyện C, tỉnh T nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Qua kết quả xác minh tại thôn N, xã H, huyện C cho thấy: Chị T, anh C chung sống với nhau được một thời gian đến khoảng đầu năm 2020 chị T, anh C đi làm công nhân cùng nhau có xảy ra khúc mắc, vợ chồng không chung sống với nhau. Nguyên nhân cụ thể đại diện thôn không nắm được do anh chị không báo đến tổ hòa giải của thôn để hòa giải. Đến khoảng tháng 11 năm 2020 thôn có biết thông tin chị T xin ly hôn với anh C tại Tòa án. Đại diện gia đình anh C có trao đổi việc đã cố gắng để hai vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành. Hiện chị T và anh C đều không sinh sống cùng nhau tại địa phương. Theo thông tin từ phía gia đình anh C thì chị T làm tại tỉnh H, anh C làm tại tỉnh H. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị T và anh C thực tế đã không tồn tại từ tháng 4 năm 2020 đến nay; chị T và anh C đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị T và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Lục Văn C.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T, anh C không có con chung, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Đặng Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn"* của chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đặng Thị T được ly hôn với anh Lục Văn C.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002921, ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Anh Lục Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Lục Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH) ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(*Đã ký*)

Phúc An Hoành